

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HC-ST

Ngày: 16/8/2018

V/v khiếu kiện: “Quyết định hành
chính về quản lý đất đai trong
trường hợp thu hồi giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Châu

2. Bà Cao Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Văn Hùng - Kiểm sát viên

Ngày **16** tháng **8** năm **2018**, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 03/2018/TLST-HC ngày 21 tháng 02 năm 2018 về việc khiếu kiện “Quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 10/2018/QĐXXST-HC ngày 06 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Ông Trần Văn O, sinh năm: 1953. (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện N, tỉnh Bến Tre.

* *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn U – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị Đ, sinh năm: 1946. (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện Đ, Thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại ngày 05/6/2018, ngày 06/8/2018, cũng như tại phiên tòa, người khởi kiện ông Trần Văn O trình bày:

Thửa 2150 thuộc tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã Đ (nay là xã H), huyện N, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc của ông cố ông là Trần Văn K để lại cho ông nội ông, ông nội ông qua đời để lại cho cha ông và cha ông để lại cho ông quản lý giữ gìn. Sau ngày 30/4/1975, ông tiếp tục quản lý và làm nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Theo ông, Quyết định 2330/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông là sai, vì:

- Ủy ban nhân dân huyện N ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ 05 thửa đất của ông làm ông thiệt hại kinh tế rất lớn trong suốt thời gian bị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện ông đang gìn giữ canh tác và đã sử dụng ổn định thửa đất này trước khi có Luật Đất đai năm 1993 và không ai tranh chấp. Thửa 2150 là thửa đất mà ông được công nhận hợp pháp vì bản án của Tòa án nhân dân 02 cấp khi giải quyết tranh chấp đất giữa ông với bà N, ông P đã công nhận quyền sử dụng đất cho ông. Khi Nhà nước thu hồi một phần thửa 2150 để mở rộng quốc lộ 57 cũng là bồi thường cho ông. Ủy ban nhân dân huyện N cũng đã công nhận chuyển mục đích sử dụng đất ở diện tích 260m² đất trong thửa 2150 này cho ông. Ngày 10/7/2003, bà Nhị, ông P, bà D tái lần chiếm đất của ông lần 2, Ủy ban nhân dân huyện N đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết khiếu nại nhận định là đất của họ tộc ông nên bác yêu cầu của bà N, ông P, bà D.

Ông khẳng định phần đất này là của gia đình ông chứ không phải phần đất mà ông S trả công ở đợ cho chị của bà Đ và không có việc ông S lấy đất mồ mả để đem đi trừ nợ. Trước đây, bà Đ kiện ông có hành vi xâm phạm mồ mả nên Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án vì không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ngày 16/01/2017 và ngày 26/4/2017, Ủy ban nhân dân huyện N yêu cầu ông đăng ký cấp lại mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 2150. Ông đã làm đầy đủ thủ tục để cấp lại mới thì nhận được quyết định kháng nghị của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nên mới dừng việc làm thủ tục cấp lại. Hiện nay, ông đã được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 04 thửa. Ông không đồng ý việc Ủy ban nhân dân huyện N xem xét cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 2150 vì nếu cấp lại mới thì vẫn còn tồn tại Quyết định 2330/QĐ-UBND là quyết định trái luật theo quyết định kháng nghị của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu Ủy ban nhân dân huyện N không hủy bỏ hoặc thu hồi quyết định này thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết, tuyên hủy Quyết định 2330/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông.

Tại công văn số 1285/UBND-NC ngày 26/4/2018, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại ngày 05/6/2018, ngày 06/8/2018, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện ông Võ Văn U – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre trình bày:

Ngày 11/12/1995, ông O được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 05 thửa, trong đó có thửa 2150. Năm 2013, bà Võ Thị Đ có đơn kiến nghị yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện N thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông O tại thửa 2150. Do quy trình xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là xét đồng loạt nên đã sơ sót xét đề nghị cấp giấy thửa 2150 cùng với những thửa đất hợp pháp khác cho ông O, trong khi đó chưa có sự đồng ý của các họ tộc có mộ chôn cất trên đất, hơn nữa không thể hiện việc ông O có canh tác sử dụng ổn định đối với thửa 2150. Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định 2330/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông O.

Ngày 03/7/2017, ông O có đơn đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 2150, theo đo đạc chính quy gồm 02 thửa 163, diện tích 260m² và thửa 164, diện tích 1.080,5m². Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã H không ai tranh chấp. Nhưng do sau khi nhận được văn bản kháng nghị Giám đốc thẩm số: 10/2017/KN-HC ngày 07/09/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông O có đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N yêu cầu tạm ngưng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 2150 để chờ Quyết định giám đốc thẩm, nên đến nay Ủy ban nhân dân huyện N chưa thực hiện cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất này cho ông O.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện N giữ nguyên Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Văn O. Nếu ông O tiếp tục có yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 2150 thì Ủy ban nhân dân huyện N sẽ cấp lại theo hiện trạng Vlap cho ông.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại ngày 06/8/2018 cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Đ trình bày:

Phần đất thổ mộ thửa 2150 nằm trong diện tích 9.000m² mà ông S trả công ở đợ cho chị bà là bà Võ Thị L, trong đó có 6.000m² đất ruộng và 3.000m² đất giồng, trong 3.000m² đất giồng này có 1.000m² là đất mồ mả để dành chôn cất nhiều người, trong đó có mồ mả ông bà của gia đình bà. Khi cha bà mất thì bà quản lý toàn bộ phần đất này. Sau đó, bà đi lập nghiệp ở Cần Thơ, do cần tiền nên bà về quê bán 6.000m² đất ruộng và 2.000m² đất giồng (01 công đất giồng bà bán cho bà K và 01 công bà bán cho ông C), còn lại 1.000m² đất mộ bà không bán. Do chiến tranh nên giấy tờ để chứng minh phần đất này của gia đình bà thì bà không còn. Lúc bà bán 02 công đất giồng thì bà cũng không có làm giấy tờ mua bán. Hiện tại, phần đất này còn 01 ngôi mộ của mẹ chồng bà, 01 ngôi mộ của bác bảy bà (nhưng bà không biết tên), còn một số ngôi mộ nay đã bom cát nên bà không biết ở vị trí nào. Lúc đó do còn nhỏ nên bà không biết trên phần đất này có mồ mả của thân tộc ông S hay không. Hàng năm, bà vẫn về tảo mộ. Trước đây, bà có nộp đơn kiện đòi đất và hành vi xâm phạm mồ mả của ông O

tại Tòa án huyện nhưng Tòa trả lời không chấp nhận đơn của bà. Bà đồng ý với Quyết định 2330/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông O.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật về tố tụng: trOg quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xem xét việc cấp quyền sử dụng đất thửa 2150 cho ông Trần Văn O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trOg hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết:

Ngày 27/12/2013, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2330/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn O. Ngày 07/02/2014, ông O khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện N. Tại bản án hành chính sơ thẩm số 03/2014/HC-ST ngày 01/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện N đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn O về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện N. Không đồng ý bản án sơ thẩm, ông O kháng cáo. Bản án hành chính phúc thẩm số 13/2015/HC-PT ngày 13/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định không chấp nhận kháng cáo của ông O, giữ y bản án hành chính sơ thẩm.

Ngày 14/12/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định giám đốc thẩm số 15/2017/HC-GĐT đã hủy bản án hành chính phúc thẩm số 13/2015/HC-PT ngày 13/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre và Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2014/HC-ST ngày 01/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre và giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Như vậy, việc Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng đối tượng khởi kiện và thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Về việc xét xử vắng mặt đối với người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre: do ông Võ Văn U là người đại diện theo pháp luật của người bị kiện có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử vắng mặt đối với người bị kiện là đúng quy định.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: ngày 07/02/2014, ông O khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện N yêu cầu hủy Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện N. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 104 Luật Tố tụng hành chính 2010, ông O khởi kiện là còn trong thời hiệu.

[3] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định:

Ngày 05/02/2013, bà Võ Thị Đ có đơn kiến nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn O vì bà cho rằng khu thổ mộ này là của gia đình bà chứ không phải của họ tộc ông O. Ủy ban nhân dân huyện N đã có văn bản đề nghị Thanh tra huyện tiến hành thẩm tra, xác minh quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông O. Ngày 27/11/2013, Thanh tra huyện có báo cáo số 376/BC-TT thẩm tra về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông O đối với thửa 2150 là chưa đúng pháp luật. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện N ra Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn O là đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

[4] Về nội dung quyết định:

Ngày 11/12/1995, ông Trần Văn O được Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày (nay là huyện N) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 939/QSĐĐ/11/QĐ-UB với tổng diện tích là 7.910m² gồm các thửa 1691, 1692, 2150, 2159 và 2712, thuộc tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã Đ (nay là xã H), huyện N, tỉnh Bến Tre. Ngày 27/12/2013, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2330/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn O với lý do trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 939/QSĐĐ/11/QĐ-UB của ông O có diện tích 1.250m² đất tại thửa 2150 là diện tích đất thuộc thổ mộ chung có từ rất lâu dùng để chôn cho nhiều họ tộc, ông Trần Văn O không thể hiện việc canh tác sử dụng.

Căn cứ Tờ tường thuật của ông Trần Văn T, ông Trần Văn D, bà Trần Thị L vào ngày 07/9/2001 và các biên bản làm việc giữa Thanh tra huyện với các ông Trần Văn Ch, Trần Văn X, Trần Văn B, Trần Văn Du, thì những người trong họ tộc của ông O đều khẳng định phần đất khu thổ mộ này có nguồn gốc của ông Trần Văn Khanh là ông cố của ông O đã có từ lâu đời, lập ra để chôn cất người trong thân tộc và cho một số người ngoài không có đất chôn trên phần đất này.

Năm 2002 khi xảy ra tranh chấp đất giữa ông O với ông P, bà N do Tòa án nhân dân huyện N và Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết thì tại tờ tường thuật này những người trong họ tộc ông O đều thừa nhận ông O là người tiếp tục canh giữ phần đất này khi cha ông là ông Trần Văn Tì (tức Hình) qua đời. Như vậy, khi ông O được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng như khi xảy ra việc tranh chấp đất giữa ông O với ông P, bà N đối với thửa 2149 (liền kề thửa 2150) thì những người trong thân tộc ông O cũng không ai có ý kiến hay tranh chấp gì đối với thửa 2150 này. Sau đó, năm 2007 ông O làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất đối với một phần thửa 2150 có diện tích 260m² sang đất ở nông thôn thì cũng không ai tranh chấp.

Mặt khác, năm 2013 giữa ông O và bà Đ có phát sinh tranh chấp đối với phần đất thuộc thửa 2150 này. Ủy ban nhân dân xã H đã tiến hành hòa giải nhưng không thành nên bà Đ khởi kiện ông O tại Tòa án nhân dân huyện N. Do bà Đ chỉ kiện ông O về hành vi xâm phạm mồ mả chứ không tranh chấp quyền sử dụng đất với ông O nên bà có đơn xin rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện N đình chỉ giải quyết vụ án. Bà Đ kháng cáo. Do yêu cầu của bà Đ không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre chỉ sửa một phần quyết định về án phí. Sau đó, bà Đ có đơn khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện N thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông O đối với thửa 2150. Đồng thời, theo báo cáo số 376/BC-TT ngày 27/11/2013 của Thanh tra huyện N thẩm tra về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

đã cấp cho ông O cũng đã thể hiện phần đất thổ mộ do ông S giao cho bà L là chị bà Đ là không có cơ sở và thời điểm trước đây bà Đ không tranh chấp quyền sử dụng đất với ông O mà chỉ kiện ông về hành vi xâm phạm mồ mả. Tại biên bản đối thoại, bà Đ cũng thừa nhận bà không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh thửa 2150 này là của gia đình bà.

Bên cạnh đó, từ khi ông O được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có thửa 2150 thì cũng không có ai tranh chấp quyền sử dụng đất với ông O.

Ngày 16/01/2017, Ủy ban nhân dân huyện N đã tiến hành họp bàn hướng giải quyết về việc sau khi thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông O, qua đó thống nhất cấp đổi các thửa đất còn lại của ông O, đối với thửa 2150 thì hướng dẫn ông O lập thủ tục đăng ký mới theo quy định. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/6/2018, trên thửa 2150 còn lại 02 ngôi mộ (01 ngôi mộ đất của gia đình chồng bà Đ và 01 ngôi mộ dán gạch của gia đình ông Nguyễn Văn Th). Tại phiên tòa, ông O cũng đồng ý tách phần diện tích đất có mộ của những người khác ra khỏi quyền sử dụng đất của ông. Thửa 2150 theo đo đạc chính quy để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông O gồm thửa 163, tờ bản đồ số 25, loại đất ONT có diện tích 260m² và thửa 164, tờ bản đồ số 25, loại đất NTD có diện tích 1.080,5m². Hiện nay, ông O đã được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 04 thửa, riêng thửa 2150, ông O cũng đã có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang trong quá trình làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông O thì có quyết định giám đốc thẩm nên ông O yêu cầu dừng lại.

Việc Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ 05 thửa đất của ông O, trong khi đó bà Đ chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông O đối với thửa 2150 và qua xác minh, Thanh tra huyện cũng xác định chỉ có thửa 2150 là được cấp không đúng; đồng thời, trên một phần đất của thửa 2150 ông O cũng đã canh tác, quản lý và chuyển mục đích sử dụng nhưng thời điểm ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông O, Ủy ban nhân dân huyện N không xem xét đến là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông O.

[5] Từ các cơ sở trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần thiết phải hủy Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện N. Tuy nhiên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 939/QSDĐ/11/QĐ-UB ngày 11/12/1995 không thể khôi phục vì hiện nay ông O đã được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 04 thửa. Vì vậy, cơ quan có thẩm quyền sẽ tiếp tục tiến hành thủ tục để cấp lại thửa 2150 cho ông theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị tạm ngừng phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết nên không được chấp nhận.

[7] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông O không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30; Điều 32; điểm b, khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn O. Hủy Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn O.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: ông Trần Văn O không phải chịu. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng cho ông Trần Văn O theo biên lai thu số 0006339 ngày 07/02/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng cho ông Trần Văn O theo biên lai thu số 0019008 ngày 08/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bến Tre.

Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre phải chịu án phí hành chính sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nộp cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo; các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện N (1b);
- Cục THADS tỉnh Bến Tre (1b);
- Các đương sự (3b);
- Tòa HC; Phòng KTNV và THA(2b);
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Thúy